

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:  2020/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
THÔN, TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HƯNG YÊN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2005/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh số 34/2007//PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số .../TTr-SNV ngày / /2020 về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2020.

Quyết định này thay thế Quyết định số 2128/QĐ-UBND ngày 11/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp (Cục KT VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ, các Đoàn thể tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- CSDLQG về pháp luật - Sở Tư pháp;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CVNC^{NH}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Phóng

(Dự thảo)

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND ngày tháng năm
2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Thôn, tổ dân phố thuộc xã, phường, thị trấn;
- b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố;
- c) Cộng đồng dân cư tại thôn, tổ dân phố.

Điều 2. Thôn, tổ dân phố

Thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của Thôn, tổ dân phố (sau đây gọi tắt là Thông tư số 04/2012/TT-BNV), như sau:

1. Thôn và tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã, phường, thị trấn (*xã, phường, thị trấn sau đây gọi chung là cấp xã*); nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản, tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.

2. Thôn và tổ dân phố không phải là một cấp hành chính (do chính quyền cấp xã trực tiếp quản lý). Thôn được thành lập ở xã, tổ dân phố được thành lập ở phường, thị trấn.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố

Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố thực hiện theo Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ Nội vụ sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV (sau đây gọi tắt là Thông tư số 14/2018/TT-BNV) như sau:

1. Bảo đảm tính tự quản của cộng đồng dân cư, chấp hành sự quản lý nhà nước trực tiếp của chính quyền cấp xã và sự lãnh đạo của cấp ủy đảng.

2. Tuân thủ pháp luật, thực hiện theo hương ước (quy ước); đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch.

3. Không chia tách các thôn, tổ dân phố đang hoạt động ổn định; thực hiện sáp nhập các thôn, tổ dân phố phù hợp với điều kiện, đặc điểm từng địa phương.

4. Trường hợp do quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch giãn dân hoặc nơi có địa hình bị chia cắt phức tạp, địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn thì điều kiện thành lập thôn, tổ dân phố mới có thể thấp hơn quy định. Trong trường hợp cộng đồng dân cư mới hình thành không đủ điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới thì ghép vào thôn, tổ dân phố liền kề.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN VÀ TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

Tổ chức của thôn, tổ dân phố thực hiện theo Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV như sau:

1. Mỗi thôn có Trưởng thôn; mỗi tổ dân phố có Tổ trưởng tổ dân phố. Trường hợp cần thiết thì có 01 Phó Trưởng thôn, 01 Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

2. Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lựa chọn sau khi thống nhất với Trưởng Ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

3. Đối với thôn, tổ dân phố đã bố trí thêm 01 Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thì Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố được bố trí thêm này tiếp tục hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ, sau đó thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 của Điều này.

Điều 5. Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố

Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố thực hiện theo Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV như sau:

1. Cộng đồng dân cư ở thôn, tổ dân phố bàn, quyết định chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc tự quản trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Cộng đồng dân cư tham gia bàn và biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định; tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định về các công việc của thôn, tổ dân phố và của cấp xã theo quy định của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

3. Xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; tham gia tự quản trong việc giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp ở địa phương, phòng, chống các tệ nạn xã hội.

4. Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia, hưởng ứng các phong trào, cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 6. Hội nghị của thôn, tổ dân phố

Hội nghị của thôn, tổ dân phố thực hiện theo Điều 6 Thông tư số 04/2012/TT-BNV như sau:

Mỗi năm hội nghị thôn, tổ dân phố được tổ chức 02 lần (thời gian vào giữa năm và cuối năm); khi cần có thể họp bất thường. Thành phần tham dự hội nghị là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố. Hội nghị do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố triệu tập và chủ trì. Hội nghị được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự.

Việc tổ chức để nhân dân bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết đề cập có thẩm quyền quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của Hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. (sau đây gọi tắt là Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN).

Điều 7. Thẩm quyền thành lập mới, sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố; ghép khu vực dân cư mới hình thành vào thôn, tổ dân phố

1. Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định:

- a) Việc thành lập thôn, tổ dân phố mới (gồm cả việc chia tách);
- b) Quyết định sáp nhập thôn, tổ dân phố để thành lập thôn, tổ dân phố có quy mô lớn hơn thuộc từng xã, phường, thị trấn;
- c) Quyết định giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (*huyện, thị xã, thành phố sau đây gọi chung là cấp huyện*) quyết định ghép khu vực dân cư mới hình thành vào thôn, tổ dân phố hiện có theo thẩm quyền (nếu có).

Điều 8. Điều kiện, quy trình, hồ sơ thành lập thôn, tổ dân phố mới

1. Điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

Điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới thực hiện theo Khoản 4 và 6 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV và Điều 8 Thông tư số 04/2012/TT-BNV như sau:

Chỉ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới khi tổ chức định canh, định cư, di dân giải phóng mặt bằng và thực hiện quy hoạch giãn dân được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc khi thôn, tổ dân phố có quy mô số hộ gia đình quá đông, hoạt động gặp nhiều khó khăn (quy định tại Khoản 2, Điều 3 Quy chế này), cần chia tách để thuận lợi cho công tác quản lý và có đủ các điều kiện sau:

a) Quy mô số hộ gia đình

a.1) Đối với thôn mới: Phải có từ 300 hộ gia đình trở lên;

a.2) Đối với tổ dân phố mới: Phải có từ 350 hộ gia đình trở lên.

Trường hợp khu vực dân cư mới hình thành chưa đủ điều kiện để thành lập thôn, tổ dân phố theo quy định thì ghép vào thôn, tổ dân phố hiện có cho phù hợp, bảo đảm thuận lợi trong công tác quản lý của chính quyền cấp xã và các hoạt động của thôn, tổ dân phố. Trình tự thủ tục ghép các khu vực dân cư mới hình thành vào thôn, tổ dân phố hiện có theo quy định tại Điều 14 Quy chế này.

b) Các điều kiện khác

Thôn và tổ dân phố phải có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và ổn định cuộc sống của người dân; có quy hoạch, phương án bố trí Nhà văn hóa hoặc Phòng sinh hoạt cộng đồng dân cư, để tổ chức các hội nghị thôn, tổ dân phố.

Điều 9. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn, tổ dân phố mới (gồm cả chia tách)

Đề nghị chấp thuận chủ trương thành lập thôn, tổ dân phố mới

1. Trên cơ sở yêu cầu thực tiễn, vào tháng 01 hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện có báo cáo gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) đề nghị chấp thuận chủ trương thành lập thôn, tổ dân phố mới. Nội dung báo cáo thể hiện rõ các yếu tố cần thiết, các điều kiện theo quy định để thành lập thôn, tổ dân phố mới.

2. Sở Nội vụ tiến hành thẩm định nhu cầu thành lập thôn, tổ dân phố mới của Ủy ban nhân dân cấp huyện; sau đó tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản chấp thuận chủ trương, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo các nội dung sau:

a) Xây dựng Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới, nội dung chủ yếu bao gồm:

- Sự cần thiết phải thành lập thôn mới, tổ dân phố mới;
- Tên gọi của thôn mới, tổ dân phố mới;
- Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn mới, tổ dân phố mới;
- Đề xuất, kiến nghị;

- Tài liệu kèm theo: Danh sách các hộ gia đình đang cư trú thường xuyên và các văn bản, tài liệu chứng minh thôn, tổ dân phố có đủ các điều kiện quy định tại điểm a, điểm b, Khoản 1 Điều này.

b) Tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn, tổ dân phố mới về Đề án thành lập thôn, tổ dân phố. Hội nghị lấy ý kiến cử tri phải có biên bản, trong đó thể hiện rõ tổng số cử tri lấy ý kiến, số cử tri đồng ý và số cử tri không đồng ý. Nếu trên 50% cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn, tổ dân phố mới đồng ý, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh Đề án trình Hội đồng nhân dân cấp xã (sau đây gọi tắt là Hội đồng nhân dân cấp xã) thông qua tại kỳ họp gần nhất.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện, hồ sơ gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đề nghị thành lập thôn, tổ dân phố mới;

- Đề án đề nghị thành lập thôn, tổ dân phố mới;

- Biên bản lấy ý kiến cử tri;

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ), hồ sơ gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Toàn bộ hồ sơ của các xã, phường, thị trấn đề nghị thành lập thôn, tổ dân phố mới;

Hồ sơ gửi về Sở Nội vụ chậm nhất vào tháng 8 hàng năm.

5. Sở Nội vụ thẩm định, hoàn chỉnh hồ sơ, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua về việc thành lập thôn, tổ dân phố mới.

Điều 10. Quy trình, hồ sơ sáp nhập thôn, tổ dân phố

1. Trên cơ sở chủ trương của tỉnh (thông qua các Đề án, Kế hoạch...) hoặc thực tiễn hiệu quả quản lý tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, xây dựng phương án sáp nhập thôn, tổ dân phố. Việc sáp nhập thôn, tổ dân phố cần xem xét đến các yếu tố đặc thù về vị trí địa lý, địa hình và phong tục tập quán của cộng đồng dân cư tại địa phương.

2. Hồ sơ và quy trình sáp nhập thôn, tổ dân phố

a) Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án sáp nhập thôn, tổ dân phố, gồm các nội dung chủ yếu:

- Hiện trạng và sự cần thiết phải sáp nhập thôn, tổ dân phố;

- Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn, tổ dân phố dự kiến sáp nhập;

- Tên, dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn, tổ dân phố sau khi sáp nhập;

- Các cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu để phục vụ hoạt động cộng đồng và đảm bảo ổn định cuộc sống của người dân tại thôn, tổ dân phố mới sau khi sáp nhập;

- Đề xuất, kiến nghị.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của các thôn, tổ dân phố hiện tại về Đề án sáp nhập thôn, tổ dân phố; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.

c) Đề án sáp nhập thôn, tổ dân phố, nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của mỗi thôn, tổ dân phố dự kiến sáp nhập tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Nội vụ), hồ sơ gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã;
- Đề án sáp nhập thôn, tổ dân phố;
- Biên bản lấy ý kiến cử tri.

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ), hồ sơ gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Toàn bộ hồ sơ của các xã, phường, thị trấn đề nghị sáp nhập thôn, tổ dân phố.

đ) Sở Nội vụ thẩm định, hoàn chỉnh hồ sơ, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua về việc sáp nhập thôn, tổ dân phố.

Điều 11. Quy trình và hồ sơ giải thể thôn, tổ dân phố

Quy trình và hồ sơ giải thể thôn, tổ dân phố thực hiện theo mục 3 Khoản 7 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV như sau:

1. Thôn, tổ dân phố bị giải thể do Nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng hoặc do sắp xếp để ổn định dân cư và các trường hợp khác được cấp có thẩm quyền quyết định thì việc di dân, bố trí dân cư và giải quyết các vấn đề liên quan khác được thực hiện theo phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư hoặc Đề án sắp xếp, ổn định dân cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Quy trình và hồ sơ

Sau khi thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư hoặc Đề án sắp xếp, ổn định dân cư và các trường hợp khác được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập Tờ trình kèm theo danh sách các hộ gia

đình thuộc thôn, tổ dân phố liên quan gửi Sở Nội vụ thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 12. Tên thôn, tổ dân phố

Tên thôn, tổ dân phố thực hiện theo mục 3 và 4 Khoản 5 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV như sau:

1. Tên thôn, tổ dân phố do thành lập mới hoặc sáp nhập không được trùng với tên của thôn, tổ dân phố hiện có trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã.
2. Việc đổi tên thôn, tổ dân phố được thực hiện theo nguyện vọng của nhân dân sinh sống tại thôn, tổ dân phố.

Điều 13. Điều kiện, quy trình và hồ sơ đổi tên thôn, tổ dân phố

Điều kiện, quy trình và hồ sơ đổi tên thôn, tổ dân phố thực hiện theo mục 4 Khoản 7 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV như sau:

Việc đặt tên thôn, tổ dân phố được thực hiện trong quy trình lập hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới, sáp nhập thôn, tổ dân phố và được thực hiện theo các trình tự sau:

1. Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ gồm: Tờ trình và phương án đổi tên thôn, tổ dân phố (phương án cần nêu rõ lý do của việc đổi tên thôn, tổ dân phố; tên của thôn, tổ dân phố sau khi đổi tên...) và tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố về phương án đổi tên thôn, tổ dân phố, tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến.
2. Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua; trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.
3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình kèm theo hồ sơ gửi Sở Nội vụ thẩm định.
4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyển đến, Sở Nội vụ thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh (kỳ họp Hội đồng nhân dân gần nhất) xem xét ban hành Nghị quyết về việc đổi tên thôn, tổ dân phố.

Điều 14. Chuyển thôn thành tổ dân phố trong trường hợp thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã

Chuyển thôn thành tổ dân phố trong trường hợp thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã theo mục 2 Khoản 7 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV như sau:

Căn cứ Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định chuyển thôn thành tổ dân phố thuộc phường, thị trấn.

Điều 15. Quy trình và hồ sơ ghép khu vực dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có

Quy trình và hồ sơ ghép khu vực dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có thực hiện theo Điều 9 Thông tư số 04/2012/TT-BNV như sau:

1. Trên cơ sở văn bản chỉ đạo về chủ trương của Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc ghép khu vực dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án triển khai thực hiện. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

- Sự cần thiết ghép khu vực dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có;
- Lập danh sách số hộ, số nhân khẩu của khu vực dân cư mới hình thành;
- Lập danh sách số hộ, số nhân khẩu của thôn, tổ dân phố hiện có;
- Biểu tổng hợp danh sách số hộ gia đình, số nhân khẩu của thôn, tổ dân phố sau khi ghép khu vực dân cư;
- Đề xuất, kiến nghị.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép khu vực dân cư (*bao gồm khu vực dân cư mới hình thành và thôn, tổ dân phố hiện có*) về Đề án ghép khu vực dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.

3. Đề án ghép khu vực dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có, nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép khu vực dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Nội vụ), gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp xã;
- Đề án ghép khu vực dân cư vào thôn, tổ dân phố;
- Biên bản lấy ý kiến cử tri.

Trường hợp Đề án chưa được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần thứ 2; nếu vẫn không được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

4. Sau khi nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Nội vụ nghiên cứu, xây dựng báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, thông qua và giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định việc ghép khu vực dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có đúng thẩm quyền theo quy định.

Chương III

VỊ TRÍ, VAI TRÒ, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TIÊU CHUẨN, QUYỀN LỢI, KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM ĐỐI VỚI TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ, PHÓ TRƯỞNG THÔN, PHÓ TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

Điều 16. Vị trí, vai trò của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là người đại diện cho nhân dân ở thôn, tổ dân phố. Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố là người giúp việc Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố do cử tri hoặc cử tri đại diện các hộ gia đình ở thôn, tổ dân phố trực tiếp bầu ra theo nhiệm kỳ và được Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định công nhận; Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lựa chọn sau khi xin ý kiến Chi ủy chi bộ và thống nhất với Trưởng Ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định công nhận.

Điều 17. Trách nhiệm của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chịu sự quản lý, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã, chịu sự lãnh đạo của Chi bộ thôn, Chi bộ tổ dân phố; có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức, đoàn thể, tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp (ở thôn), công an viên ở thôn (hoặc công an khu vực ở tổ dân phố) triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao trên địa bàn thôn, tổ dân phố.

2. Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phân công; thay mặt Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố điều hành công việc khi được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố ủy quyền.

3. Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Tổ trưởng tổ dân phố phải luôn luôn gần gũi với nhân dân; tôn trọng, chú ý lắng nghe nguyện vọng của nhân dân; kiên quyết bảo vệ lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhân dân; giải quyết công việc trên cơ sở pháp luật quy định, chống các tư tưởng, hành vi bè phái, cục bộ địa phương gây mất đoàn kết trong nhân dân.

Điều 18. Tiêu chuẩn Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

Tiêu chuẩn Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo Điều 11 Thông tư số 04/2012/TT-BNV như sau:

Là người có hộ khẩu thường trú và cư trú thường xuyên ở thôn, tổ dân phố; có từ đủ 21 tuổi trở lên, có sức khỏe, nhiệt tình, trung thực và có tinh thần trách nhiệm trong công tác; có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt; có trình độ văn hóa tốt nghiệp Trung học cơ sở trở lên; bản thân và gia đình gương mẫu về đạo đức, lối sống, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, được nhân dân tín nhiệm; gia đình không có người mắc tệ nạn xã hội (vợ, chồng, con); có năng lực tổ chức và phương pháp vận động nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng và công việc cấp trên giao.

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn và Tổ trưởng tổ dân phố

Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn và Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV như sau:

1. Nhiệm vụ

a) Triệu tập và chủ trì hội nghị thôn, tổ dân phố; tổ chức thực hiện những công việc thuộc phạm vi thôn, tổ dân phố đã được nhân dân bàn và quyết định; bảo đảm các nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Quy chế này.

b) Vận động, tổ chức nhân dân thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật và hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c) Tập hợp, phản ánh, đề nghị chính quyền cấp xã giải quyết những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của nhân dân trong thôn, tổ dân phố; báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân cấp xã về những hành vi vi phạm pháp luật trong thôn, tổ dân phố.

d) Thực hiện việc lập biên bản về kết quả đã được nhân dân thôn, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp những công việc của thôn, tổ dân phố; lập biên bản về kết quả đã được nhân dân thôn, tổ dân phố bàn và biểu quyết những công việc thuộc phạm vi cấp xã; báo cáo kết quả cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

đ) Phối hợp với Ban công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị-xã hội ở thôn, tổ dân phố để vận động nhân dân tham gia thực hiện các phong trào và cuộc vận động do các tổ chức này phát động.

e) Báo cáo kết quả công tác sáu tháng đầu năm và cuối năm trước hội nghị thôn, tổ dân phố.

2. Quyền hạn

a) Được ký hợp đồng về xây dựng công trình do nhân dân trong thôn, tổ dân phố đóng góp kinh phí đầu tư đã được hội nghị thôn, tổ dân phố thông qua và bảo đảm các quy định liên quan của chính quyền các cấp;

b) Được phân công nhiệm vụ giải quyết công việc cho Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 20. Quyền lợi của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Được cử đi học các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về công tác tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.
2. Được Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo, cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết có liên quan đến công tác quản lý, hoạt động của thôn, tổ dân phố và nhiệm vụ được giao.
3. Được Ủy ban nhân dân cấp xã mời dự họp, tham khảo ý kiến, thông báo kết luận khi giải quyết những vấn đề cần thiết có liên quan đến thôn, tổ dân phố.
4. Được hưởng chế độ đãi ngộ theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh, được cấp văn phòng phẩm để làm việc.
5. Được pháp luật bảo vệ khi thực hiện nhiệm vụ.

Điều 21. Khen thưởng, xử lý vi phạm đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có thành tích trong công tác sẽ được Ủy ban nhân dân cấp xã biểu dương, khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên biểu dương, khen thưởng.
2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được nhân dân tín nhiệm thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị bãi nhiệm hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.
3. Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được nhân dân tín nhiệm thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị cho thôi làm nhiệm vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương IV

NHIỆM KỲ VÀ QUY TRÌNH BẦU CỬ, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ; CHO THÔI LÀM NHIỆM VỤ PHÓ TRƯỞNG THÔN, PHÓ TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

Điều 22. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo mục 2 Khoản 9 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV như sau:

Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là hai năm rưỡi (2,5 năm) tính từ khi có quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã. Nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Trường hợp thành lập thôn mới, tổ dân phố mới hoặc khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời hoạt động nhưng không quá 06 tháng kể từ khi có quyết định cho đến khi cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của thôn, tổ dân phố bầu được Trưởng thôn mới, Tổ trưởng tổ dân phố mới.

Điều 23. Tổ chức bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Tổ chức bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo Điều 7 Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN như sau:

Tùy theo điều kiện của từng địa phương mà việc bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có thể tổ chức kết hợp tại Hội nghị thôn, tổ dân phố hoặc tổ chức thành cuộc bầu cử riêng.

Điều 24. Công tác chuẩn bị bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Công tác chuẩn bị bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo Điều 6 Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBMTTQVN như sau:

1. Chậm nhất 20 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định công bố ngày bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức triển khai kế hoạch bầu cử.

2. Chậm nhất 15 ngày trước ngày bầu cử, Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức hội nghị Ban công tác Mặt trận dự kiến danh sách người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; báo cáo với Chi ủy Chi bộ thôn, tổ dân phố để thống nhất danh sách người ra ứng cử (từ 1 đến 2 người).

3. Chậm nhất 10 ngày trước ngày bầu cử, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định thành lập Tổ bầu cử (Tổ bầu cử gồm Tổ trưởng là Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố; thư ký và các thành viên khác là đại diện một số tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội và đại diện cử tri thôn, tổ dân phố); quyết định về nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử; quyết định thành phần cử tri (là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) tham gia bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; quyết định việc lập danh sách cử tri và thời gian niêm yết danh sách cử tri; quyết định hình thức bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố (bầu cử tại hội nghị thôn, tổ dân phố hoặc tổ chức cuộc bầu cử riêng). Các quyết định này phải được thông báo đến nhân dân ở thôn, tổ dân phố chậm nhất 07 ngày trước ngày bầu cử của thôn, tổ dân phố hoặc hội nghị của thôn, tổ dân phố.

Trường hợp một thôn có nhiều Ban Công tác Mặt trận thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ban hành quyết định chỉ định một đồng chí Trưởng ban công tác Mặt trận làm Tổ trưởng tổ bầu cử.

4. Tổ bầu cử có nhiệm vụ chính như sau:

a) Lập và công bố danh sách cử tri tham gia bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

- b) Công bố danh sách các ứng cử viên.
- c) Nhận phiếu bầu và biên bản kiểm phiếu từ Ủy ban nhân dân cấp xã.
- d) Phát phiếu bầu, hướng dẫn cử tri bỏ phiếu, đảm bảo trật tự nơi bỏ phiếu.
- đ) Kiểm phiếu, viết biên bản kiểm phiếu.
- e) Báo cáo và nộp kết quả kiểm phiếu, phiếu bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và các tài liệu bầu cử khác (nếu có) về Ủy ban nhân dân cấp xã.

Tùy theo tình hình của địa bàn thôn, tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã có thể giao cho Tổ bầu cử thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể khác trong quá trình bầu cử.

Điều 25. Bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tại hội nghị thôn, tổ dân phố

Bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tại hội nghị thôn, tổ dân phố thực hiện theo Điều 8 Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBMTTQVN như sau:

1. Tổ trưởng Tổ bầu cử chủ trì hội nghị bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Hội nghị bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự.

2. Việc bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Tổ trưởng Tổ bầu cử công bố quyết định ngày tổ chức bầu cử; quyết định thành lập tổ bầu cử; nhiệm vụ, quyền hạn của tổ bầu cử; quyết định thành phần cử tri tham gia bầu cử.

b) Tổ trưởng Tổ bầu cử quyết định việc đề Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đương nhiệm báo cáo kết quả công tác nhiệm kỳ vừa qua trước hội nghị cử tri; hội nghị cử tri thảo luận về công tác nhiệm kỳ vừa qua của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

c) Tổ trưởng Tổ bầu cử nêu tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố;

d) Đại diện Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố giới thiệu danh sách những người ra ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố do Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố đề cử và Chi ủy Chi bộ thôn, tổ dân phố thống nhất theo quy trình quy định tại khoản 2 Điều 23 của Quy chế này. Tại hội nghị này, cử tri có thể tự ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử.

đ) Hội nghị thảo luận, cho ý kiến về những người ứng cử. Trên cơ sở các ý kiến của cử tri, Tổ bầu cử ấn định danh sách những người ứng cử chức danh Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố để hội nghị biểu quyết. Việc biểu quyết số lượng và danh sách những người ứng cử được thể hiện bằng hình thức giơ tay và có giá trị khi có trên 50% số cử tri tham dự hội nghị tán thành.

e) Tiến hành bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

e.1) Việc bầu cử có thể bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định.

e.2) Nếu bầu cử bằng hình thức giơ tay, tổ bầu cử trực tiếp đếm số biểu quyết của từng người ứng cử. Nếu bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín, Tổ bầu cử làm nhiệm vụ phát phiếu, hướng dẫn cách thức bầu cử, kiểm phiếu. Phiếu bầu cử do Ủy ban nhân dân cấp xã chuẩn bị, có danh sách những người ứng cử, có đóng dấu Ủy ban nhân dân cấp xã vào góc cao bên trái phiếu bầu.

e.3) Tổ bầu cử tiến hành kiểm phiếu tại nơi bỏ phiếu ngay sau khi kết thúc cuộc bỏ phiếu; mời 2 đại biểu cử tri không phải là người ứng cử có mặt tại đó chứng kiến việc kiểm phiếu.

Kiểm phiếu xong, Tổ bầu cử lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ: Tổng số cử tri (hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) của thôn, tổ dân phố; số cử tri (hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) tham gia hội nghị; số phiếu phát ra; số phiếu thu vào; số phiếu hợp lệ; số phiếu không hợp lệ; số phiếu và tỷ lệ bầu cho mỗi người ứng cử so với tổng số cử tri (hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) toàn thôn, tổ dân phố.

Người trúng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là người đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri (hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) trong toàn thôn, tổ dân phố.

e.4) Những phiếu bầu sau đây là phiếu không hợp lệ:

- Phiếu không phải là phiếu theo mẫu quy định do Tổ bầu cử phát ra;
- Phiếu bầu quá số lượng người quy định;
- Phiếu ghi tên người ngoài danh sách những người ứng cử;
- Phiếu gạch, xóa hết tên những người ứng cử trong trường hợp số người ứng cử từ 02 người trở lên (trường hợp chỉ có một người ứng cử thì phiếu gạch, xóa tên người ứng cử đó vẫn là phiếu hợp lệ);

e.5) Biên bản kiểm phiếu lập thành 03 bản có chữ ký của các thành viên Tổ bầu cử.

g) Tổ trưởng tổ bầu cử báo cáo kết quả bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, kèm theo Biên bản kiểm phiếu gửi ngay Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

3. Trường hợp kết quả bầu cử không có người nào đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố thì tiến hành bầu cử lại. Ngày bầu cử lại do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định, nhưng chậm nhất không quá 15 ngày, kể từ ngày tổ chức bầu cử lần đầu.

Trường hợp tổ chức bầu cử lần thứ hai mà vẫn không bầu được chức danh Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử chức danh Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời cho đến

khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời, Ủy ban nhân dân cấp xã phải tổ chức bầu cử chức danh này.

Điều 26. Bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tại cuộc bầu cử riêng

1. Tổ chức hội nghị thống nhất, ấn định danh sách những người ra ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

a) Trường hợp tổ chức hội nghị toàn thôn, tổ dân phố

a.1) Tổ trưởng Tổ bầu cử quyết định ngày tổ chức hội nghị thống nhất, ấn định danh sách những người ra ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, trước ít nhất 05 ngày tính đến ngày bỏ phiếu bầu cử và phải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã.

Tổ bầu cử gửi giấy mời đến các cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố. Hội nghị thống nhất, ấn định danh sách những người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự.

a.2) Tổ trưởng Tổ bầu cử chủ trì hội nghị. Hội nghị tiến hành các trình tự, thủ tục thống nhất, ấn định danh sách những người ra ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 2 Điều 24 của Quy chế này.

Tổ bầu cử lập 03 bộ biên bản hội nghị và báo cáo về Ủy ban nhân dân cấp xã danh sách người ứng cử.

b) Trường hợp tổ chức hội nghị tại các khu vực dân cư của thôn, tổ dân phố

Trường hợp thôn hoặc tổ dân phố lớn, địa bàn dân cư sống không tập trung, không thể tổ chức cuộc họp toàn thôn, tổ dân phố để ấn định danh sách những người ứng cử thì có thể tổ chức các cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo từng khu vực dân cư để lấy ý kiến nhân dân, cuộc họp được tiến hành khi có trên 50% cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tham dự, quy trình thực hiện như sau:

b.1) Đại diện Tổ bầu cử chủ trì cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình (theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp xã) tại khu vực dân cư, thực hiện các nội dung sau:

- Đại diện Tổ bầu cử công bố quyết định ngày tổ chức bầu cử; quyết định thành lập Tổ bầu cử, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử, quyết định thành phần cử tri tham gia bầu cử.

- Đại diện Tổ bầu cử quyết định việc đề Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đương nhiệm báo cáo kết quả công tác nhiệm kỳ vừa qua trước hội nghị cử tri; hội nghị cử tri thảo luận về công tác nhiệm kỳ vừa qua của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

- Đại diện Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố giới thiệu danh sách những người ra ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, do Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố đề cử và Chi ủy Chi bộ thôn, tổ dân phố thống nhất (theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Quy chế này). Tại cuộc họp này cử tri có thể tự ứng cử hoặc giới thiệu thêm người ứng cử. Trường hợp cử tri trong khu vực dân cư giới thiệu nhiều người ứng cử ngoài số lượng người ứng cử do Ban Công tác Mặt trận giới thiệu, Đại diện Tổ bầu cử có thể lấy ý kiến biểu quyết bằng hình thức giơ tay ngay tại cuộc họp để chọn ra 01 người được tín nhiệm cao nhất tham gia ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

- Đại diện Tổ bầu cử hướng dẫn mỗi khu vực dân cư đề cử tối thiểu 05 người làm đại diện cho khu vực dân cư đi dự cuộc họp thống nhất, ấn định danh sách những người ra ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Tùy theo tình hình cụ thể của từng thôn, tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định số lượng người được đề cử làm đại diện cho khu vực dân cư và phải thông báo công khai để thống nhất thực hiện.

Tổ bầu cử lập 03 bộ biên bản đối với mỗi cuộc họp tại khu vực dân cư.

b.2) Sau khi các khu vực dân cư họp xong, Tổ trưởng Tổ bầu cử chủ trì hội nghị thống nhất, ấn định danh sách những người ra ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Thành phần hội nghị bao gồm các thành viên của Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố và cử tri đại diện của các khu vực dân cư. Ủy ban nhân dân cấp xã cử cán bộ đại diện tới dự họp, ký xác nhận biên bản hội nghị.

Hội nghị thống nhất, ấn định danh sách những người ra ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 2 Điều 24 của Quy chế này.

Tổ bầu cử lập 03 bộ biên bản hội nghị và báo cáo về Ủy ban nhân dân cấp xã danh sách người ứng cử.

2. Tổ chức bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

a) Những công việc chuẩn bị cho ngày bầu cử

a.1) Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo ngày, giờ, địa điểm tổ chức bầu cử, thể lệ bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, trên hệ thống truyền thanh hoặc bằng hình thức khác phù hợp với điều kiện của địa phương; xây dựng kế hoạch bảo vệ và bảo đảm an toàn, trật tự cho ngày bỏ phiếu đặc biệt là nơi để hòm phiếu.

a.2) Tổ bầu cử cùng với cán bộ các tổ chức, đoàn thể trong thôn, tổ dân phố họp bàn phân công nhiệm vụ cụ thể từng người, ấn định thời gian hoàn thành. Cần chú ý đến việc lập danh sách cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình, nhận phiếu bầu cử từ Ủy ban nhân dân cấp xã, chuẩn bị hòm phiếu, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện kế hoạch bảo đảm an toàn, trật tự cho ngày bầu cử.

b) Tổ chức ngày bầu cử

b.1) Cuộc bỏ phiếu bầu cử tiến hành từ 7 giờ đến 19 giờ. Những nơi cần phải tổ chức sớm hơn cũng không được sớm hơn 5 giờ sáng hoặc kết thúc muộn hơn cũng không được quá 20 giờ cùng ngày. Tổ bầu cử có thể quyết định thời gian cụ thể nhưng phải báo cáo về Ủy ban nhân dân cấp xã. Nơi nào có 100% cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình đã bỏ phiếu thì có thể kết thúc cuộc bỏ phiếu sớm hơn.

b.2) Tổ trưởng Tổ bầu cử mời một số các cụ là cử tri cao tuổi, cán bộ lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể và một số cử tri trong thôn, tổ dân phố tới dự khai mạc cuộc bầu cử. Tùy theo tình hình cụ thể, Tổ bầu cử có thể làm lễ chào cờ, cử quốc ca khi tiến hành khai mạc.

b.3) Trước khi tiến hành bỏ phiếu, Tổ trưởng Tổ bầu cử mời hai cử tri chứng kiến việc nhân viên Tổ bầu cử kiểm tra và niêm phong hòm phiếu.

b.4) Trong ngày bầu cử, Tổ bầu cử phối hợp với cán bộ các đoàn thể tổ chức vận động các cử tri đi bầu cử; thường xuyên nhắc nhở cử tri bầu đúng số lượng người làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, trong số người ứng cử, đảm bảo số phiếu hợp lệ cao.

b.5) Trong ngày bầu cử, nếu có khiếu nại của cử tri thì Tổ bầu cử giải quyết khẩn trương, nếu khó khăn phức tạp thì báo cáo về Ủy ban nhân dân cấp xã để giải quyết. Trong trường hợp xảy ra sự việc phức tạp làm gián đoạn cuộc bỏ phiếu thì Tổ bầu cử lập tức niêm phong giấy tờ và hòm phiếu, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã đồng thời có kế hoạch khắc phục khó khăn để tiếp tục cuộc bỏ phiếu.

b.6) Khi hết giờ bỏ phiếu, nếu còn cử tri có mặt tại phòng bỏ phiếu mà chưa kịp bỏ phiếu thì chỉ sau khi số cử tri này bỏ phiếu xong, Tổ bầu cử mới được tuyên bố kết thúc cuộc bỏ phiếu.

b.7) Sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc, Tổ bầu cử phải tiến hành kiểm phiếu ngay tại phòng bỏ phiếu.

Trước khi mở hòm phiếu, Tổ bầu cử phải thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu bầu không sử dụng đến và mời hai cử tri không phải là người ứng cử có mặt tại đó chứng kiến việc kiểm phiếu.

c) Các quy định về lập Biên bản kiểm phiếu, người trúng cử, bầu cử lại, cử chức danh lâm thời, công nhận kết quả bầu cử áp dụng thực hiện theo quy định tại Điều 24 và Điều 26 của Quy chế này.

Điều 27. Việc công nhận kết quả bầu cử

Việc công nhận kết quả bầu cử thực hiện theo Điều 9 Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBMTTQVN như sau:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Tổ trưởng Tổ bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ban hành quyết định công nhận người trúng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc quyết định bầu cử lại. Trường hợp không ban hành quyết định công nhận hoặc quyết định bầu cử lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 28. Quy trình miễn nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; cho thôi làm nhiệm vụ Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

Quy trình miễn nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; cho thôi làm nhiệm vụ Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo Điều 10 Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBMTTQVN như sau:

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, có thể được xem xét miễn nhiệm do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do khác (trường hợp theo nguyện vọng cá nhân, người xin miễn nhiệm phải có đơn gửi Ủy ban nhân dân cấp xã). Trong các trường hợp đó, Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét ra thông báo để tổ chức bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới.

2. Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố, được xem xét cho thôi làm nhiệm vụ do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do khác (trường hợp theo nguyện vọng cá nhân thì phải có đơn gửi Ủy ban nhân dân cấp xã). Khi Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận và quyết định cho cá nhân thôi làm nhiệm vụ Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thì Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố sau khi xin ý kiến Chi ủy chi bộ sẽ lựa chọn và thống nhất với Trưởng Ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định công nhận Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố mới.

3. Trình tự, thủ tục miễn nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

a) Việc miễn nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện tại hội nghị cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình ở thôn, tổ dân phố. Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố chủ trì hội nghị miễn nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Hội nghị miễn nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự.

b) Trình tự hội nghị miễn nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố:

b.1) Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố chủ trì hội nghị, nêu lý do, yêu cầu của hội nghị;

b.2) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trình bày lý do của việc xin miễn nhiệm.

b.3) Hội nghị thảo luận, đánh giá quá trình hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

b.4) Hội nghị tiến hành biểu quyết. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 03 đến 05 người để làm nhiệm vụ.

b.5) Trường hợp có trên 50% cử tri (hoặc cử tri đại diện hộ) so với tổng số cử tri (hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) trong toàn thôn, tổ dân phố tán thành việc miễn nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét công nhận kết quả miễn nhiệm.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã phải xem xét, ban hành quyết định công nhận kết quả miễn nhiệm chức danh Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới; trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không ban hành quyết định công nhận kết quả miễn nhiệm thì phải trả lời bằng văn bản và nêu lý do.

Việc bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới phải được tiến hành trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định công nhận kết quả miễn nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Quy trình bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, mới thực hiện theo quy định tại Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26 của Quy chế này.

d) Đối với việc cho thôi làm nhiệm vụ Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố: Sau khi xin ý kiến của Chi ủy; Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thống nhất với Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ban hành quyết định cho cá nhân thôi làm nhiệm vụ Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố; trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không ban hành quyết định cho thôi làm nhiệm vụ thì phải trả lời bằng văn bản và nêu lý do.

Điều 29. Quy trình bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Quy trình bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo Điều 11 Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBMTTQVN như sau:

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố khi không còn được nhân dân tín nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, tham nhũng, lãng phí, không phục tùng sự chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã, các quy định của cấp trên, thậm chí vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức độ bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì có thể bị cử tri bãi nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp hoặc có ít nhất một phần ba tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố kiến nghị.

Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định tổ chức hội nghị cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố để xem xét bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố chủ trì hội nghị bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Hội nghị bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được tiến hành khi có trên 50% số cử tri (hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) trong thôn, tổ dân phố tham dự. Ngoài số cử tri thuộc thành phần dự hội nghị, Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố mời đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tham dự. Khách mời được phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

2. Trình tự Hội nghị bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

a) Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tuyên bố lý do, mục đích, yêu cầu của hội nghị.

b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trình bày bản tự kiểm điểm của mình, trong đó nêu rõ khuyết điểm, nguyên nhân khách quan và chủ quan, các biện pháp khắc phục. Trường hợp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố không tham dự hội nghị hoặc có tham dự nhưng không trình bày bản tự kiểm điểm thì người đưa ra đề xuất việc bãi nhiệm trình bày những khuyết điểm của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

c) Hội nghị thảo luận, đóng góp ý kiến.

d) Hội nghị biểu quyết việc bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 03 đến 05 người để làm nhiệm vụ.

Trường hợp có trên 50% cử tri (hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) so với tổng số cử tri (hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) trong toàn thôn, tổ dân phố tán thành việc bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, thì Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố lập biên bản, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, bãi nhiệm.

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố của Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã phải xem xét ban hành quyết định công nhận kết quả bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới; trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không ban hành quyết định công nhận kết quả bãi nhiệm thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Việc bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới phải được tiến hành trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định công nhận kết quả bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Quy trình bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới thực hiện theo quy định tại Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26 của Quy chế này và các văn bản có liên quan hiện hành.

Điều 30. Kinh phí tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Kinh phí tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo Điều 12 Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBMTTQVN như sau:

Kinh phí tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được cân đối trong dự toán ngân sách cấp xã hàng năm.

Chương V

PHÂN LOẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 31. Mục đích phân loại thôn, tổ dân phố

1. Làm căn cứ để thực hiện chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội của thôn, tổ dân phố; góp phần bảo đảm sự ổn định của thôn, tổ dân phố và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền cơ sở.

2. Làm cơ sở để thực hiện chế độ chính sách đối với Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn.

Điều 32. Tiêu chí phân loại và loại thôn, tổ dân phố (Khoản 1 Điều 3 Quyết định 2128)

Tiêu chí phân loại thôn, tổ dân phố là số hộ gia đình đăng ký thường trú và tạm trú thường xuyên thuộc địa bàn thôn, tổ dân phố.

a) Thôn chia thành 2 loại:

- Loại 1: có từ 350 hộ gia đình trở lên;

- Loại 2: dưới 350 hộ gia đình.

b) Tổ dân phố chia thành 2 loại:

- Loại 1: có từ 450 hộ gia đình trở lên;

- Loại 2: dưới 450 hộ gia đình.

Điều 33. Thẩm quyền và trình tự, thủ tục phân loại thôn, tổ dân phố

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn các xã, phường, thị trấn trực thuộc, sau khi được Sở Nội vụ thống nhất thỏa thuận bằng văn bản; báo cáo kết quả phân loại, điều chỉnh phân loại thôn, tổ dân phố về Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp).

2. Trình tự, thủ tục phân loại

a) Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Nội vụ) phân loại thôn, tổ dân phố thuộc địa bàn, hồ sơ gồm:

a.1) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phân loại thôn, tổ dân phố.

a.2) Bản báo cáo thống kê của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về tổng số hộ gia đình đăng ký thường trú và tạm trú thường xuyên theo từng thôn, tổ dân phố.

b) Phòng Nội vụ chủ trì phối hợp với Công an cấp huyện và Chi cục thống kê để tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc từ khi có kết quả thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có hồ sơ thống nhất ý kiến của Sở Nội vụ về phân loại thôn, tổ dân phố theo địa bàn từng xã, phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố hồ sơ gồm:

- Công văn đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (có danh sách báo cáo số hộ gia đình và dự kiến phân loại từng thôn, tổ dân phố kèm theo).

- Biên bản họp thẩm định liên ngành: Nội vụ, Công an, Thống kê.

d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nội vụ thẩm định và có văn bản thống nhất thỏa thuận hoặc trả lời Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nếu chưa thống nhất.

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định phân loại thôn, tổ dân phố trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất thỏa thuận của Sở Nội vụ.

Điều 34. Điều chỉnh phân loại thôn, tổ dân phố

1. Sau 03 (ba) năm, kể từ ngày quyết định phân loại thôn, tổ dân phố có hiệu lực thi hành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành xem xét, quyết định điều chỉnh việc phân loại thôn, tổ dân phố.

Trường hợp có biến động lớn về số hộ gia đình ở thôn, tổ dân phố, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định điều chỉnh việc phân loại.

Việc điều chỉnh phân loại căn cứ theo quy định tại Điều 31 và Điều 32 của Quy chế này và các văn bản liên quan hiện hành.

2. Trường hợp cấp có thẩm quyền đã có quyết định về thành lập mới (bao gồm cả việc chia tách, sáp nhập thôn, tổ dân phố), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành phân loại thôn, tổ dân phố theo quy định tại Điều 31 và Điều 32 của Quy chế này và trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày quyết định thành lập mới, sáp nhập thôn, tổ dân phố có hiệu lực.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Đối với thôn, tổ dân phố đã bố trí số lượng từ 02 Phó trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố trở lên theo số dân quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên ban hành kèm theo Quyết định số 2128/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, thì Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố này tiếp tục hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ, sau đó thực hiện theo quy định tại các Khoản 1, 2 Điều 4

Quy chế này và theo Nghị quyết số 277/2020/NQ-HĐND ngày 07/5/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên và các văn bản quy định hiện hành.

Điều 36. Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Quy chế này.

Điều 37. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Tổ trưởng tổ dân phố, cộng đồng dân cư tại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này. Hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo Ủy ban nhân dân các cấp xã tổng kết đánh giá hoạt động của thôn, tổ dân phố và gửi báo cáo về Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ theo quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Phóng

